

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4
T
C
P
H
A
N
B

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU SỐ B 01-DNPNT

Đơn vị: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2		3	4
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		1,170,119,881,766	1,179,225,203,189
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	105,405,469,587	273,666,117,694
1. Tiền	111		105,405,469,587	273,666,117,694
1.1 Tiền mặt tại quỹ			2,123,813,681	1,965,150,465
1.2 Tiền gửi ngân hàng	111.1		103,202,455,906	271,700,967,229
1.3 Tiền đang chuyển			79,200,000	0
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	296,346,302,200	511,348,485,456
1. Đầu tư ngắn hạn	121		303,218,075,510	511,626,985,996
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*) (2)	129		-6,871,773,310	-278,500,540
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		433,926,292,362	155,186,416,992
1. Phải thu của khách hàng	131		167,346,857,804	150,519,202,402
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	122,716,426,149	87,838,397,055
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	44,630,431,655	62,680,805,347
2. Trả trước cho người bán	132		2,339,196,558	1,844,490,800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Các khoản phải thu khác	135	9	301,981,558,861	40,264,874,166
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139	10	-37,741,320,861	-37,442,150,376
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18,867,251,877	17,760,672,282
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	18,511,870,740	17,759,875,001
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		17,296,709,965	16,259,042,027
1.2. Chi phí trả trước chưa phân bổ	151.2		1,215,160,775	1,500,832,974
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		355,381,137	797,281
VIII. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	315,574,565,740	221,263,510,765
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		116,611,493,279	97,305,273,933
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		198,963,072,461	123,958,236,832
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		608,980,916,839	502,712,903,605
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		10,872,704,409	10,353,473,938
4. Phải thu dài hạn khác	218	9	10,872,704,409	10,353,473,938
4.1. Kỳ quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
4.2. Phải thu dài hạn khác	218.2		3,872,704,409	3,353,473,938
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi(*)	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		6,457,133,518	7,403,211,853
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6,037,638,247	6,926,689,093
- Nguyên giá	222		21,938,032,919	22,519,137,136
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-15,900,394,672	-15,592,448,043
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	419,495,271	476,522,760
- Nguyên giá	228		1,750,350,000	1,750,350,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-1,330,854,729	-1,273,827,240
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	588,543,694,884	479,883,696,384
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		55,550,000,000	55,550,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		532,993,694,884	424,333,696,384
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,107,384,028	5,072,521,430
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		3,107,384,028	5,072,521,430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,779,100,798,605	1,681,938,106,794

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018


MẪU SỐ B 01-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,001,425,809,597	855,720,229,185
I. Nợ ngắn hạn	310		1,001,261,372,197	855,014,748,492
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	79,546,608,317
2. Phải trả cho người bán	312		153,053,099,458	119,679,875,262
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	152,385,548,716	114,533,985,348
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		667,550,742	5,145,889,914
3. Người mua trả tiền trước	313		8,854,144,831	7,485,016,730
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	9,174,767,637	10,218,760,868
5. Phải trả cho người lao động	315		8,946,160,663	17,365,403,096
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	19,064,087,224	2,011,916,646
9. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	30,214,818,117	24,685,533,444
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		451,135,336	237,751,113
13. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	771,503,158,931	593,783,883,016
13.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		403,035,648,293	331,353,087,008
13.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		325,732,467,348	222,800,122,138
13.3. Dự phòng dao động lớn	329.3		42,735,043,290	39,630,673,870
II. Nợ dài hạn	330		164,437,400	705,480,693
3. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	1,000,000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		163,437,400	704,480,693
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU(400=410)	400		777,674,989,008	826,217,877,609
Vốn chủ sở hữu	410	19	777,674,989,008	826,217,877,609
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	800,000,000,000
9. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		10,985,112,079	10,985,112,079
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-33,310,123,071	15,232,765,530
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440		1,779,100,798,605	1,681,938,106,794


 Nguyễn Hoàng Mai
 Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018


 Nguyễn Thành Quang
 Phó Tổng Giám đốc


 Trần Trọng Dũng
 Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 02-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước (phân loại lại)	Năm nay	Năm trước (phân loại lại)
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	155,331,102,812	105,702,234,793	286,568,354,437	191,153,035,767
2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	0	0	0	0
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	14,003,384,230	22,415,188,565	30,213,984,248	30,742,477,672
4. Thu nhập khác	13	310,085,547	618,387,901	424,146,029	669,279,497
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	165,195,576,863	107,754,009,942	296,931,249,358	195,675,583,790
6. Giá vốn bất động sản đầu tư	21	0	0	0	0
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	9,090,615,420	1,525,269,736	11,006,791,968	809,995,430
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	22,842,509,257	17,170,441,600	42,531,317,858	33,608,255,602
9. Chi phí khác	24	46,599,869	220,597,450	47,248,601	221,450,516
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13- 20-21-22-23-24)	50	-27,530,728,820	2,065,492,531	-33,310,123,071	-7,750,492,402
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	0	0	0	0
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0	0
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	-27,530,728,820	2,065,492,531	-33,310,123,071	-7,750,492,402

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 02 -DNPNT
 Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (phân loại lại)	Năm nay	Năm trước (phân loại lại)
1	2		3	4	5	6
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	20	193,920,152,358	138,128,734,850	364,200,656,144	257,692,921,382
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		220,039,684,644	146,021,564,033	415,271,795,546	282,584,719,821
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		14,620,645,448	13,959,525,651	20,611,421,883	19,000,943,502
- Tăng(giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		40,740,177,734	21,852,354,834	71,682,561,285	43,892,741,941
2. Phí nhượng tái bảo hiểm(02=02.1-02.2)	02	21	53,653,986,425	41,025,827,949	106,140,046,837	82,648,756,799
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		64,807,111,758	44,952,006,085	125,446,266,183	88,725,520,371
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		11,153,125,333	3,926,178,136	19,306,219,346	6,076,763,572
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		140,266,165,933	97,102,906,901	258,060,609,307	175,044,164,583
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	04		15,064,936,879	8,599,327,892	28,507,745,130	16,108,871,184
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		14,726,263,835	8,598,328,781	27,746,141,691	16,068,403,573
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		338,673,044	999,111	761,603,439	40,467,611
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	05		155,331,102,812	105,702,234,793	286,568,354,437	191,153,035,767
6. Chi bồi thường (11.1-11.2)	11		73,568,816,589	58,973,538,158	128,989,994,562	85,946,356,388
- Tổng chi bồi thường	11.1		73,568,816,589	58,973,538,158	128,989,994,562	85,946,356,388
- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		0	0	0	0
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		19,299,987,996	24,389,556,674	38,719,564,911	29,052,018,098
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		89,206,910,366	3,712,106,212	102,932,345,210	17,644,503,370
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		76,479,142,925	-5,539,643,939	75,004,835,629	-5,834,918,412
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	15	22	66,996,596,034	43,835,731,635	118,197,939,232	80,373,760,072
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	16		1,698,532,134	1,150,290,795	3,104,369,420	2,128,628,793
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm(17=17.1+17.2)	17		96,500,448,695	62,767,987,512	175,628,940,706	113,173,194,925
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		10,171,194,335	8,072,637,523	18,223,269,881	14,075,549,564
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	23	86,329,254,360	54,695,349,989	157,405,670,825	99,097,645,361
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	18		165,195,576,863	107,754,009,942	296,931,249,358	195,675,583,790
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	19		-9,864,474,051	-2,051,775,149	-10,362,894,921	-4,522,548,023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước (phân loại lại)	Năm nay	Năm trước (phân loại lại)
1	2		3	4	5	6
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		0	0	0	0
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	21		0	0	0	0
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=20-21)	22		0	0	0	0
18. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	14,003,384,230	22,415,188,565	30,213,984,248	30,742,477,672
19. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	9,090,615,420	1,525,269,736	11,006,791,968	809,995,430
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		4,912,768,810	20,889,918,829	19,207,192,280	29,932,482,242
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	22,842,509,257	17,170,441,600	42,531,317,858	33,608,255,602
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=19+22+25-26)	30		-27,794,214,498	1,667,702,080	-33,687,020,499	-8,198,321,383
23. Thu nhập khác	31		310,085,547	618,387,901	424,146,029	669,279,497
24. Chi phí khác	32		46,599,869	220,597,450	47,248,601	221,450,516
25. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		263,485,678	397,790,451	376,897,428	447,828,981
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		-27,530,728,820	2,065,492,531	-33,310,123,071	-7,750,492,402
27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	0	0	0
28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		-27,530,728,820	2,065,492,531	-33,310,123,071	-7,750,492,402


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018


Nguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc

Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 2 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 03 -DNPNT

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Năm 2017
1	2	3	4
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	I	-71,108,083,593	447,489,751,937
1. Tiền thu phí bảo hiểm và hoa hồng	1	530,700	11,858,364
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	2	404,822,024,970	607,247,446,307
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	3	848,111,286	2,467,068,024
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	4	860,797,111,358	2,013,997,286,978
5. Tiền chi để trả bồi thường bảo hiểm	5	116,487,153,416	146,176,242,914
6. Tiền chi để trả hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	6	26,989,614,445	50,993,677,955
7. Tiền chi để trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	7	25,364,411,502	39,730,769,089
8. Tiền chi để trả cho người lao động	8	50,565,889,386	82,501,356,587
9. Tiền chi nộp thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	31,718,581,465	47,919,426,023
10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	10	1,007,022,310,659	1,711,665,790,920
11. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	79,427,901,034	97,246,644,248
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	II	-18,329,890,321	18,247,013,435
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	0	0
2. Tiền thu lãi đầu tư	22	4,670,357,924	41,421,731,641
3. Tiền thu do bán TSCĐ	23	5,018,859	8,250,000
4. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	0	49,995,000,000
5. Tiền mua TSCĐ	25	0	1,745,474,769
6. Tiền chi để cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	26	122,451,785,643	216,090,004,192
7. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	27	83,120,362,607	220,779,732,791
8. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	28	16,326,155,932	23,867,777,964
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	III	100,828,396,792	60,909,017,158
1. Tiền thu do đi vay	31	0	99,546,608,317
2. Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	0	0
3. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	23,784,940,916	27,302,198,287
4. Tiền chi trả nợ vay	34	160,475,029,313	20,373,333,339
5. Tiền đã hoàn vốn cho các chủ sở hữu	35	0	0
6. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	0	6,137,637,611
7. Gửi tại các tổ chức tín dụng	37	164,000,000,000	771,055,500,000
8. Nhận lại tiền gửi từ các tổ chức tín dụng	38	401,500,000,000	731,565,000,000
3.9 Chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	39	18,485,189	61,681,504
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ	50	11,390,422,878	526,645,782,530
TIỀN TỒN ĐẦU KỲ	60	273,666,117,694	53,534,377,663
TIỀN TỒN CUỐI KỲ	70	105,405,469,587	273,666,117,694


Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng


Nguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc



Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty"). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 800 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 783 người (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 731 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và hai mươi chín (29) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi, Bảo hiểm Hàng không Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An và Sở Giao dịch, VNI Thái Nguyên.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là số liệu của báo cáo tài chính cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 -DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 tới ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

Tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý tài sản tài chính của Tổng Công ty do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 -DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu (Tiếp theo)

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 -DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 (Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09 -DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ

Năm 2018, Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ, Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- Các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm từ 1 năm trở xuống:
Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn bảo hiểm trên 1 năm các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ:
Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính theo phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính theo phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày phí nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng toán học: áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 01 năm.

Dự phòng toán học gốc và nhận tái bảo hiểm được tính theo phương pháp trích lập dự phòng theo từng ngày phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm.

Dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm được tính theo phương pháp trích lập dự phòng theo từng ngày phí nhượng tái bảo hiểm.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ phi nhân thọ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ sức khỏe là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 -DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017 của Bộ Tài Chính. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong năm, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong kỳ để chuyển sang phân bổ vào các kỳ sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09 -DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	2,123,813,681	1,965,150,465
Tiền gửi ngân hàng	103,202,455,906	271,700,967,229
Tiền đang chuyển	79,200,000	-
	105,405,469,587	273,666,117,694

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B 09a-DNPNT

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2018		31/12/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư ngắn hạn	303,218,075,510	296,346,302,200	(6,871,773,310)	511,626,985,996
a) Chứng khoán kinh doanh	40,218,075,510	33,346,302,200	(6,871,773,310)	11,126,985,996
- Tổng giá trị cổ phiếu	40,218,075,510	33,346,302,200	(6,871,773,310)	11,126,985,996
b) Đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	263,000,000,000	263,000,000,000	-	500,500,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	263,000,000,000	263,000,000,000	-	500,500,000,000
Đầu tư dài hạn	588,543,694,884	588,543,694,884	-	194,314,282,261
a) Đầu tư dài hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	588,543,694,884	588,543,694,884	-	479,883,696,384
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (ii)	55,550,000,000	55,550,000,000	-	55,550,000,000
- Đầu tư vào đơn vị khác (iii)	1,990,000,000	1,990,000,000	-	1,990,000,000
- Các khoản đầu tư mua cổ phiếu OTC (iv)	531,003,694,884	531,003,694,884	-	422,343,696,384

(i) Phân ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.
(ii) Thể hiện khoản đầu tư góp vốn vào Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp với số tiền: 55,550,000,000 VND tương đương tỷ lệ góp vốn 25% vốn điều lệ.

(iii) Thể hiện khoản góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô, số tiền 1.990.000.000 VND (tỷ lệ sở hữu tương đương 3,3% vốn điều lệ) với thời hạn nắm giữ trên 01 năm.

(iv) Thể hiện khoản đầu tư mua cổ phiếu của các công ty: Khoản đầu tư mua 2.751.200 cổ phiếu OTC của Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Thống Nhất với số tiền 131,945,681,850 VND (tỷ lệ sở hữu 19,24%); khoản đầu tư mua 1.276.365 cổ phiếu OTC của Công ty CP Armephaco với số tiền 57.898,014,534 VND (tỷ lệ sở hữu 9,82%); khoản đầu tư mua 4.650.000 cổ phiếu OTC của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủ công Mỹ Nghệ với số tiền: 232,500,000,000 đồng (tỷ lệ sở hữu 9,19%), mua 9.657.531 cổ phiếu OTC của Công ty CP kinh doanh và đầu tư Việt Hà với số tiền 108.659,998.500 VND (tỷ lệ sở hữu 13%).
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 - DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	54,793,861,289	48,835,284,309
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	52,298,230,072	30,722,621,342
- Phải thu phí của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	2,495,631,217	18,112,662,967
+ Công ty bảo hiểm PVI	1,583,615,796	16,794,260,937
+ Công ty bảo hiểm khác	912,015,421	1,318,402,030
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	21,528,248,124	14,106,771,921
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	43,862,844,856	21,902,725,189
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp đồng bảo hiểm	999,626,804	791,476,396
e) Phải thu khác	1,531,845,076	2,202,139,240
	122,716,426,149	87,838,397,055

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Phải thu lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng chưa đến ngày đáo hạn	6,270,532,334	15,362,911,094
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ Phần Sông Đà-Thăng Long (i)	38,359,899,321	43,155,858,321
Phải thu khác	-	4,162,035,932
	44,630,431,655	62,680,805,347

(i) Thể hiện khoản gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long, trái phiếu có thời hạn 3 năm, bắt đầu từ ngày 19 tháng 10 năm 2009 và đáo hạn vào ngày 19 tháng 10 năm 2012. Tổng mệnh giá ban đầu của số trái phiếu này là 50.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Tổng Công ty chưa thu hồi được khoản tiền gốc và lãi với giá trị lần lượt là 21.948.415.169 VND và 16.411.484.152 VND. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng (Thuyết minh số 10).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 -DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	301,981,558,861	40,264,874,166
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	34,906,133	68,106,133
Tạm ứng cho cán bộ	11,209,019,545	1,454,871,118
Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước (i)	0	14,625,000,000
Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T (ii)	121,863,013,699	23,277,260,274
TCT rau quả nông sản-Công ty cổ phần (iii)	167,715,068,492	
Khác	1,159,550,992	839,636,641
b) Dài hạn	10,872,704,409	10,353,473,938
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược khác	3,872,704,409	3,353,473,938
	312,854,263,270	50,618,348,104

(i) Thể hiện khoản tiền lãi do Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước trả cho Hợp đồng hợp tác kinh "Khai thác Dự án Khu đô thị mới Quốc tế Đa Phước" số 01/2017/HĐHT/ĐP-VNI giữa Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Đa Phước và Tổng Công ty ngày 11 tháng 01 năm 2017. Số tiền gốc Tổng công ty đã thu hồi vào ngày 28 và 29 tháng 12 năm 2017.

(ii) Thể hiện khoản tiền 120.000.000.000 VND chuyển tiền cho Công ty Cổ phần Cơ khí điện tử T&T và khoản lợi nhuận hợp tác ước tính 1.863.013.699 VND theo Hợp tác hợp tác kinh doanh khai thác "Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà ở và dịch vụ thương mại" số 01/2017/HĐHT/CKĐT-VNI giữa Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T và Tổng Công ty ngày 23/11/2017. Theo thỏa thuận, lợi nhuận hợp tác được căn cứ vào tình hình triển khai và khai thác dự án thực tế nhưng Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T đảm bảo mức chi trả lợi nhuận hợp tác tối thiểu 10,00%/năm tính trên số tiền hợp tác, tính theo số ngày thực tế mà Công ty cổ phần cơ khí điện tử T&T nắm giữ số tiền hợp tác do Tổng Công ty chuyển. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đang ghi nhận lợi nhuận hợp tác ước tính vào doanh thu tài chính trong kỳ dựa trên mức lợi nhuận hợp tác tối thiểu là 10%/năm với số tiền là 1.863.013.699 đồng.

(iii) Thể hiện khoản tiền 160.000.000.000 VND chuyển tiền cho Tổng Công ty rau quả nông sản-Công ty cổ phần và khoản lợi nhuận hợp tác ước tính 7.715.068.493 VND theo Hợp tác hợp tác kinh doanh số 01/018/TTNT/VNI-VEGETEXCO giữa Tổng Công ty rau quả nông sản-Công ty cổ phần và Tổng Công ty ngày 04/01/2018. Theo thỏa thuận, lợi nhuận hợp tác được căn cứ vào tình hình triển khai và khai thác dự án thực tế nhưng Tổng Công ty rau quả nông sản-Công ty cổ phần đảm bảo mức chi trả lợi nhuận hợp tác tối thiểu 10,00%/năm tính trên số tiền hợp tác, tính theo số ngày thực tế mà Tổng Công ty rau quả nông sản-Công ty cổ phần nắm giữ số tiền hợp tác do Tổng Công ty chuyển. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đang ghi nhận lợi nhuận hợp tác ước tính vào doanh thu tài chính trong kỳ dựa trên mức lợi nhuận hợp tác tối thiểu là 10%/năm với số tiền là 7.715.068.493 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
 Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B 09a-DNPNT

10. NỢ XẤU

	30/06/2018		31/12/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	43,823,488,679	37,741,320,861	47,751,847,311	37,442,150,376
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	33,272,401,590	43,155,858,321	33,272,401,590
Các đối tượng khác	5,463,589,358	4,468,919,271	4,595,988,990	4,169,748,786

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2018:

	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên	Cộng nợ
Nợ Phi bảo hiểm	1,121,905,083	270,443,718	247,048,899	3,824,191,658	5,463,589,358
Nợ khác					-
Cộng	1,121,905,083	270,443,718	247,048,899	3,824,191,658	5,463,589,358

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 - DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2018	Năm 2017
	VND	VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
Số dư đầu năm	16,259,042,027	12,098,725,498
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ	9,450,857,312	16,259,042,027
Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(8,413,189,374)	(12,098,725,498)
Số dư cuối kỳ	<u>17,296,709,965</u>	<u>16,259,042,027</u>
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1,215,160,775	1,500,832,974
	<u>1,215,160,775</u>	<u>1,500,832,974</u>
	<u>18,511,870,740</u>	<u>17,759,875,001</u>

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối quý	Số đầu năm
	VND	VND
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	116,611,493,279	97,305,273,933
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	198,963,072,461	123,958,236,832
	<u>315,574,565,740</u>	<u>221,263,510,765</u>

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2018	10,665,654,045	11,853,483,091	22,519,137,136
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	(581,104,217)	-	(581,104,217)
Số dư tại ngày 30/06/2018	<u>10,084,549,828</u>	<u>11,853,483,091</u>	<u>21,938,032,919</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2018	5,497,937,887	10,094,510,156	15,592,448,043
Khấu hao trong kỳ	475,745,637	413,305,209	889,050,846
Giảm trong kỳ	(581,104,217)	-	(581,104,217)
Số dư tại ngày 30/06/2018	<u>5,392,579,307</u>	<u>10,507,815,365</u>	<u>15,900,394,672</u>
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2018	5,167,716,158	1,758,972,935	6,926,689,093
Số dư tại ngày 30/06/2018	<u>4,691,970,521</u>	<u>1,345,667,726</u>	<u>6,037,638,247</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính, website VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2018	1,750,350,000	1,750,350,000
Tăng trong kỳ		
Giảm trong kỳ		
Số dư tại ngày 30/06/2018	1,750,350,000	1,750,350,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2018	1,273,827,240	1,273,827,240
Khấu hao trong kỳ	57,027,489	57,027,489
Giảm trong kỳ		
Số dư tại ngày 30/06/2018	1,330,854,729	1,330,854,729
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 01/01/2018	476,522,760	476,522,760
Số dư tại ngày 30/06/2018	419,495,271	419,495,271

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
a) Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	124,792,349,439	94,325,238,438
<i>Công ty Willis Singapore</i>	34,723,768,531	34,433,487,443
<i>Công ty Willis London</i>	10,371,605,819	14,793,183,763
<i>Công ty Korean Re</i>	30,377,549,373	16,131,576,882
<i>AON Benfield Asia PTE Ltd</i>	24,928,878,152	9,005,418,813
<i>Các công ty bảo hiểm khác</i>	24,390,547,564	19,961,571,537
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	2,673,165,470	2,519,453,191
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	20,672,824,339	14,114,149,667
<i>Tổng công ty bảo hiểm Xuân Thành</i>	2,468,375,507	1,907,528,152
<i>Tổng công ty tái bảo hiểm Việt Nam</i>	10,409,928,382	4,844,989,478
<i>Các khách hàng, công ty bảo hiểm khác</i>	7,794,520,450	7,361,632,037
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	2,307,069,226	2,142,830,787
e) Phải trả khác	1,940,140,242	1,432,313,265
	152,385,548,716	114,533,985,348

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	8,041,443,558	7,084,065,757
Thuế thu nhập cá nhân	292,240,211	352,011,654
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1,922,570,809
Thuế khác	151,115,056	170,143,836
Thuế, phí phải nộp khác	689,968,812	689,968,812
	9,174,767,637	10,218,760,868

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối quý VND	Số năm trước VND
(1) Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
Số dư đầu kỳ	24,685,533,444	7,812,612,599
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ	15,189,363,187	24,685,533,444
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ	(9,660,078,514)	(7,812,612,599)
Số dư cuối kỳ	30,214,818,117	24,685,533,444
(2) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả Bảo hiểm xã hội	117,482,160	153,383,201
Phải trả Bảo hiểm y tế	19,847,530	19,939,431
Phải trả kinh phí Công đoàn	871,382,626	511,071,187
Phải trả cho các cổ đông	15,014,413,900	214,413,900
Phải trả khác	3,040,961,008	1,113,108,927
	19,064,087,224	2,011,916,646
	49,278,905,341	26,697,450,090

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	30/6/2018		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
	1	2	3=1-2
1. Dự phòng bồi thường	325,732,467,348	198,963,072,461	126,769,394,887
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết.	301,478,465,737	191,905,908,263	109,572,557,474
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo IBNR	24,254,001,611	7,057,164,198	17,196,837,413
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán Cộng	403,035,648,293	116,611,493,279	286,424,155,014
	728,768,115,641	315,574,565,740	413,193,549,901

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường

Số dư tại ngày 01/01/2018
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm
Số dư tại ngày 30/06/2018

Từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018		
Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
1	2	3=1-2
222,800,122,138	123,958,236,832	98,841,885,306
102,932,345,210	75,004,835,629	27,927,509,581
325,732,467,348	198,963,072,461	126,769,394,887

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học

Số dư tại ngày 01/01/2018
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm
Số dư tại ngày 30/06/2018

Từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018		
Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần
1	2	3=1-2
331,353,087,008	97,305,273,933	234,047,813,075
71,682,561,285	19,306,219,346	52,376,341,939
403,035,648,293	116,611,493,279	286,424,155,014

3. Dự phòng dao động lớn và đảm bảo cân đối

Số dư đầu kỳ
Số trích lập thêm/(hoàn nhập) trong năm
Số sử dụng trong năm
Số dư cuối kỳ

30/6/2018	Năm 2017
VND	VND
39,630,673,870	34,875,853,476
3,104,369,420	4,754,820,394
-	-
42,735,043,290	39,630,673,870

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2017</i>				
Số dư tại 01/01/2017	500,000,000,000	10,183,387,577	5,525,531,307	515,708,918,884
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(5,200,000,000)	(5,200,000,000)
Lợi nhuận năm 2017			16,034,490,032	16,034,490,032
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)		801,724,502	(801,724,502)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(325,531,307)	(325,531,307)
Tăng vốn chủ sở hữu (ii)	300,000,000,000			300,000,000,000
Số dư tại 31/12/2017	800,000,000,000	10,985,112,079	15,232,765,530	826,217,877,609
<i>Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2018</i>				
Số dư tại 01/01/2018	800,000,000,000	10,985,112,079	15,232,765,530	826,217,877,609
Chi trả cổ tức cho cổ đông			(14,800,000,000)	(14,800,000,000)
Lãi/(lỗ) trong kỳ			(33,310,123,071)	(33,310,123,071)
Trích quỹ dự trữ bắt buộc (i)			-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi			(432,765,530)	(432,765,530)
Số dư tại 30/06/2018	800,000,000,000	10,985,112,079	(33,310,123,071)	777,674,989,008

(i) Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Điều 77, Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016.

(ii) Ngày 16/05/2017 Tổng công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thêm 300 tỷ đồng, nâng tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty lên 800 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Thu phí bảo hiểm gốc	415,555,715,465	282,710,492,645
Bảo hiểm hàng không	28,620,174,886	24,284,435,014
Bảo hiểm sức khỏe	17,035,257,404	7,885,575,587
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	19,169,972,287	20,982,187,444
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	13,391,971,818	12,337,384,325
Bảo hiểm xe cơ giới	312,929,572,176	198,135,895,765
Bảo hiểm cháy nổ	19,933,474,082	14,333,442,947
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	2,380,310,532	3,030,819,475
Bảo hiểm trách nhiệm	1,925,456,579	1,671,576,070
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	169,525,701	49,176,018
Các khoản giảm phí bảo hiểm gốc	(283,919,919)	(125,772,823)
Phí nhận tái bảo hiểm	20,612,451,080	19,011,738,355
Bảo hiểm hàng không	-	(715,221,363)
Bảo hiểm sức khỏe	15,390,233,298	10,891,450,247
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	3,265,404,874	6,292,134,081
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	250,559,499	166,766,049
Bảo hiểm xe cơ giới	-	-
Bảo hiểm cháy nổ	1,119,129,409	2,152,623,327
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	581,998,898	84,963,621
Bảo hiểm trách nhiệm	-	119,581,657
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	5,125,102	19,440,736
<i>Bảo hiểm khác</i>	-	-
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm (Giảm phí, hoàn phí nhận tái bảo hiểm)	(1,029,197)	(10,794,853)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(71,682,561,285)	(43,892,741,941)
Cộng	364,200,656,144	257,692,921,383

21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	125,446,266,183	88,725,520,371
Bảo hiểm hàng không	25,623,478,448	23,029,170,828
Bảo hiểm sức khỏe	10,593,082	-
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	12,590,610,162	11,736,978,653
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	8,931,923,097	7,133,912,588
Bảo hiểm xe cơ giới	61,606,132,146	33,609,519,050
Bảo hiểm cháy nổ	15,169,076,078	12,180,231,571
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	1,140,401,875	834,387,237
Bảo hiểm trách nhiệm	233,079,159	156,518,136
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	140,972,136	44,802,308
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(19,306,219,346)	(6,076,763,572)
Cộng	106,140,046,837	82,648,756,799

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính Quý 2
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi bồi thường	128,989,994,562	85,946,356,388
Bảo hiểm hàng không	6,420,135,744	22,408,521,293
Bảo hiểm sức khỏe	15,037,223,104	8,114,689,538
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	3,752,214,603	5,810,856,777
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyên	1,054,267,441	2,031,035,476
Bảo hiểm xe cơ giới	97,063,712,590	45,989,241,497
Bảo hiểm cháy nổ	4,823,355,640	1,287,723,727
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	569,935,901	138,742,580
Bảo hiểm trách nhiệm	269,149,539	165,545,500
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	-
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(38,719,564,911)	(29,052,018,098)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	102,932,345,210	17,644,503,370
(Tăng)/giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(75,004,835,629)	5,834,918,412
Cộng	118,197,939,232	80,373,760,072

23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	(Phân loại lại) VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	18,223,269,881	14,075,549,564
Chi đòi người thứ 3	-	15,992,839
Chi xử lý hàng bồi thường 100%	-	-
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	409,090,909	30,219,006
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	286,256,929	12,429,091
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	100,965,283,378	59,766,770,646
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác BH	52,923,678,842	37,702,832,973
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	2,513,193,905	1,412,152,387
Chi phí khác	308,166,862	157,248,419
Cộng	175,628,940,706	113,173,194,925

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	14,691,627,463	11,794,309,526
Thu lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	4,670,357,924	10,616,338,645
<i>Lãi trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam</i>	-	1,972,557,374
<i>Thu lãi đầu tư cổ phiếu</i>	4,670,357,924	10,616,338,645
Cổ tức, lợi nhuận được chia	588,950,000	1,129,330,500
Lãi chênh lệch tỷ giá	117,843,382	257,293,522
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện</i>	99,358,193	192,387,557
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	18,485,189	64,905,965
<i>Lợi nhuận hợp tác kinh doanh</i>	10,145,205,479	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6,945,205,479
Cộng	30,213,984,248	30,742,477,672

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09 -DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	18,084,545	10,117,525
Chi phí kinh doanh chứng khoán	3,426,096,384	5,362,868,901
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	6,593,272,770	(4,736,324,196)
Chi phí lãi vay	928,420,996	173,333,333
Chi phí hoạt động tài chính khác	40,917,273	(133)
	11,006,791,968	809,995,430

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (Phân loại lại)
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	22,551,589,503	18,268,698,735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,868,603,723	10,291,545,232
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	299,170,485	179,702,544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	946,078,335	979,249,292
Chi phí dụng cụ văn phòng	3,578,990,969	2,205,791,131
Chi phí vật liệu quản lý	653,644,000	847,469,020
Thuế, phí và lệ phí	250,796,084	301,628,341
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	231,238,992	260,266,668
Chi phí quản lý khác	151,205,767	273,904,639
	42,531,317,858	33,608,255,602

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	(33,310,123,071)	(7,750,492,402)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(588,950,000)	(1,129,330,500)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		341,443,666
Thu nhập chịu thuế	(33,899,073,071)	(8,538,379,236)
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 2**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Nội dung	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017		
		Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm				
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	3,913,947,086	(4,593,726,091)	(679,779,005)
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	48,996,021,463	(4,593,726,091)	44,402,295,372
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp				
	26	11,844,087,911	4,593,726,091	16,437,814,002

Nội dung	Mã số	Từ 01/04/2017 đến 30/06/2017		
		Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm				
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17	54,829,204,175	(2,732,755,134)	52,096,449,041
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	57,428,105,123	(2,732,755,134)	54,695,349,989
2. Chi phí quản lý doanh nghiệp				
	26	14,437,686,466	2,732,755,134	17,170,441,600

Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu từ báo cáo tài chính năm cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2018

Nguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốcTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc